

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT QUANG MINH

=====***=====

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**MỘT SỐ KINH NGHIỆM THÔNG QUA PHIẾU HỌC TẬP
NHẪM RÈN HỌC SINH KỸ NĂNG TỰ HỌC, TỰ ÔN THI
MÔN NGỮ VĂN THPT (NGOÀI GIỜ HỌC)**

Lĩnh vực/ môn: Ngữ văn

Cấp: THPT

Tác giả : Nguyễn Thị Tuyết Ánh

Đơn vị : Trường THPT Quang Minh

Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn

NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng Khoa học ngành Giáo dục và Đào tạo

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Nguyễn Thị Tuyết Ánh	03/09/1979	Trường THPT Quang Minh	Tổ trưởng chuyên môn	Cử nhân Ngữ văn; Thạc sĩ Văn học	<i>Một số kinh nghiệm thông qua phiếu học tập nhằm rèn học sinh kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn THPT (ngoài giờ học).</i>

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: chuyên môn

Củng cố, nâng cao hiểu biết về phương pháp dạy học Ngữ văn theo hướng đổi mới. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng năng lực tự học giúp học sinh tiếp thu tốt hơn các văn bản văn học trong chương trình trung học phổ thông hiện hành. Điều quan trọng hơn là giúp học sinh phát huy được các năng lực cá nhân thông qua các hoạt động tự học tập ngoài giờ học. Nhờ thế, học sinh sẽ có một hành trang tốt hơn, đầy đủ hơn khi bước vào đời.

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu: Ngày 07/9/2022 tại lớp 12A7 trường THPT Quang Minh.

- Mô tả bản chất của sáng kiến:

Nội dung sáng kiến được cấu trúc theo ba phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Giải quyết vấn đề:

- Cơ sở lí luận.

- Cơ sở thực tiễn.

- Thực trạng, nguyên nhân.

- Một số giải pháp rèn luyện kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn cho học sinh thông qua phiếu học tập (Có minh chứng kèm theo – Các dạng phiếu học tập)

- Kết quả đạt được (có bảng so sánh, đối chứng kết quả học tập trước và sau khi thực nghiệm)

Phần III: Kết luận và khuyến nghị.

- **Những thông tin cần được bảo mật** (nếu có): Không.

- **Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:**

- Sự phối hợp của học sinh trong giờ học

- Sự ủng hộ giúp đỡ của Ban Giám hiệu, của đồng nghiệp.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ; Đầu tư, trang bị tốt hơn về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

- **Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:**

Qua việc nghiên cứu đề tài và thực hiện tinh thần đổi mới theo hướng phát triển năng lực học sinh, rèn kỹ năng tự học, tự ôn thi (ngoài giờ học) cho học sinh thông qua phiếu học tập, tôi đã đạt được những kết quả như sau:

+ Đối với HS: Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, tôi đã khơi gợi được hứng thú, rèn được thói quen và kỹ năng tự học cho nhiều học sinh. Giúp học sinh hiểu sâu hơn về kiến thức bài học, thành thạo hơn về kỹ năng làm bài thi, chủ động, tự tin hơn trong học tập. Nhờ thế, kết quả học tập, kết quả kiểm tra của HS cũng tốt hơn.

+ Đối với bản thân: Việc nghiên cứu và thực hiện đề tài đã giúp bản thân tôi nỗ lực nhiều hơn, tích cực hơn trong việc đầu tư, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao khả năng ứng phó với mọi hoàn cảnh, mọi thử thách. Qua nghiên cứu và thực hiện đề tài, tôi đã xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên và những việc cần làm, những nguyên tắc, quy trình, cách thức hình thành thói quen và kỹ năng tự học cho học sinh ngoài giờ học thông qua sử dụng phiếu học tập, giúp học sinh có thể tự tin, chủ động đến với những chân trời mới qua từng trang sách.

Tài liệu này sẽ phần nào giúp các thầy cô giảng dạy môn Ngữ văn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy nhờ việc sử dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng phát triển các năng lực nói chung và năng lực Ngữ văn nói riêng; rèn cho học sinh có kỹ năng

tự học, tự rèn luyện, vận dụng tốt những kiến thức đã học vào bài văn nghị luận. Làm tốt điều đó là người giáo viên đã hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân:

- Làm sáng tỏ vai trò, vị trí, thực trạng của việc dạy - học văn trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

- Củng cố, nâng cao hiểu biết về dạy học Ngữ văn theo hướng đổi mới. Hình thành và phát triển năng lực học sinh, nhất là năng lực tự học, năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn qua việc rèn kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn cho học sinh (ngoài giờ học). (Đã được thể hiện trong sáng kiến)

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Người viết đơn



Nguyễn Thị Tuyết Ánh

TRƯỜNG THPT QUANG MINH
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả: Nguyễn Thị Tuyết Ánh

Tên đề tài: *Một số kinh nghiệm thông qua phiếu học tập nhằm rèn học sinh kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn THPT (ngoài giờ học).*

Lĩnh vực: Ngữ văn

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	28
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	
Nhận xét: Sáng kiến hoàn toàn mới, được áp dụng lần đầu tiên, mang tính khả thi. Các giải pháp thực hiện trong sáng kiến đã có sự ảnh hưởng tích cực đến hoạt động dạy học.		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	27
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
Nhận xét: Sáng kiến có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc cũng có thể được ứng dụng rộng rãi hơn.		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	25
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
Nhận xét: Kết quả của sáng kiến cho thấy hiệu quả tích cực, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa rộng		
4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
Nhận xét: Bố cục rõ ràng, trình bày khoa học. Có bảng đối chứng, so sánh những kết quả thu được trước và sau khi thực nghiệm. Có những minh chứng cụ thể trong giải pháp đưa ra thông qua việc sử dụng phiếu học tập khi dạy học.		
Tổng cộng: 90		Đánh giá: <input checked="" type="checkbox"/> Đạt (≥ 70 điểm) <input type="checkbox"/> Không đạt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ

QUANG MINH

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Phương Lan

MỤC LỤC

Mục lục	1
Danh mục chữ viết tắt	2
Phần I: Đặt vấn đề	3
I. Lý do chọn đề tài	3
II. Đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu	4
III. Kế hoạch nghiên cứu và thời gian nghiên cứu	5
IV. Mô tả bản chất của sáng kiến	5
Phần II: Giải quyết vấn đề	6
I. Cơ sở lý luận	6
1. Phiếu học tập	6
2. Kỹ năng tự học.....	7
II. Cơ sở thực tiễn	10
1. Yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và sự cần thiết phải rèn kỹ năng tự học cho học sinh.....	10
2. Thực trạng dạy văn, học văn ở trường trung học phổ thông.....	10
3. Nguyên nhân.....	12
III. Giải pháp thực hiện	13
1. Những giải pháp chung trong dạy học chính khóa và ôn thi TNTHPT môn Ngữ văn.....	14
2. Những lưu ý khi rèn kỹ năng tự học cho học sinh.....	14
3. Cách thức sử dụng phiếu học tập hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn thi môn văn ngoài giờ học trên lớp.....	18
4. Thiết kế phiếu học tập thực nghiệm.....	19
IV. Kết quả đạt được	30
1. Căn cứ để đánh giá kết quả thực nghiệm.....	30
2. Kết quả thực nghiệm.....	31
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	34
1. Kết luận	34
2. Khuyến nghị	34
TÀI LIỆU THAM KHẢO	36

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
PHT	Phiếu học tập
THPT	Trung học phổ thông
TNTHPT	Tốt nghiệp trung học phổ thông
KHKT	Khoa học kĩ thuật

PHẦN I

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trước đây phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật, những thập kỷ gần đây, nảy sinh tâm lý nghi ngờ vai trò của môn Ngữ Văn. Vì vậy một bộ phận không nhỏ phụ huynh học sinh và học sinh có xu hướng xem nhẹ môn học này mà chỉ say mê vào những môn mang xu hướng thời cuộc như: Ngoại Ngữ, Tin học, Toán học,..... Cũng chính vì thế mà chất lượng môn Ngữ Văn có chiều hướng giảm sút, không tương xứng với các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự phát triển đi lên của xã hội.

Thực tế cho thấy rằng khoa học kỹ thuật càng phát triển thì nhu cầu về đời sống tinh thần càng mạnh mẽ, phong phú, đa dạng. Trong cuộc sống tinh thần của con người còn có nhu cầu thẩm mỹ thì văn học nghệ thuật là mãi mãi bất tử. Thái độ hoài nghi vai trò văn học hay thái độ coi nhẹ môn Ngữ Văn trong nhà trường đều phản ánh nhận thức không đúng đắn về bản chất của văn học, và thái độ choáng ngợp trước những thành tựu mới là của KHKT mà quên đi sức mạnh kỳ diệu và đời sống tinh thần cực kỳ phong phú của chính con người đã nảy sinh ra những thành tựu KHKT. Nói như Mác là: "*Đề cao sản phẩm của tư duy mà quên đi nguồn gốc của những sản phẩm đó tức là tư duy của bản thân con người*". Do vậy, dạy học bất cứ môn nào quan trọng nhất chính là thức dậy khát vọng học tập trong học sinh. Khi nguội tắt nhiệt huyết và lòng đam mê thì kết quả không như mong muốn là một tất yếu. "*Giáo dục như ánh thái dương phản chiếu cả đến những gian nhà cỏ thấp bé, mái tranh của con nhà nghèo*" (Pestalogi). Đúng vậy, trên mặt trận tư tưởng văn hoá, nhà giáo là những chiến sĩ Cách mạng, những kĩ sư tâm hồn có nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục học sinh, giảng dạy tốt các môn học mình phụ trách, khơi dậy, bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất cao quý và năng lực sáng tạo của người lao động mới, đặc biệt cần dạy cho học sinh biết cách học và đặc biệt là cách tự học. Đó là phương pháp vận năng để học và trưởng thành trong thời đại thông tin bùng nổ hiện nay.

Vậy, để đưa môn Ngữ Văn trở lại vị trí vốn có của nó đòi hỏi người giáo viên dạy Ngữ văn phải tạo được những giờ văn thu hút học sinh, làm cho học sinh mong chờ đến giờ học. Từ đó, nâng cao chất lượng môn Ngữ Văn nói chung, chất lượng học sinh khá, giỏi môn Ngữ Văn nói riêng đi lên.

Phiếu học tập là một trong những phương tiện dạy học hiện đại. Việc sử dụng phiếu học tập trong dạy học Ngữ văn phát huy được vai trò chủ thể trong hoạt động học tập của học sinh, góp phần tạo sự hấp dẫn, hứng thú trong tiết dạy, quan trọng hơn còn góp phần rèn khả năng tự học cho học sinh (ngoài giờ học) một cách hiệu quả.

Vậy phải làm như thế nào để biến nghệ thuật dạy văn của người giáo viên trên lớp thành một "quá trình rèn luyện toàn diện" như lời của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng? Làm thế nào để văn học thực sự là "nhân học"? Câu hỏi này đã có không ít giáo viên Ngữ văn có tâm huyết đặt ra và đang cố gắng đi tìm lời giải đáp.

Là giáo viên Ngữ văn đứng lớp hơn 20 năm, tôi luôn trăn trở, tìm kiếm những giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng môn văn. Vì vậy, tôi xin được chia sẻ một vài kinh nghiệm của bản thân thông qua đề tài sáng kiến: *“Một số kinh nghiệm thông qua phiếu học tập nhằm rèn học sinh kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn THPT (ngoài giờ học)”*. Hi vọng đây là một tài liệu tham khảo bổ ích cho các các thầy cô trong quá trình dạy học theo hướng phát triển năng lực người học ở trường trung học phổ thông hiện nay nhằm thu hút và nâng cao chất lượng học sinh học môn Ngữ văn trong trường THPT, nhằm phát triển kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn cho học sinh. Đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thế hệ trẻ.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng: Học sinh khối 12

2. Phạm vi: Lớp 12A7 – Trường THPT Quang Minh

3. Mục đích: củng cố, nâng cao hiểu biết về phương pháp dạy học Ngữ văn theo hướng đổi mới. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng năng lực tự học giúp học sinh tiếp thu tốt hơn các văn bản văn học trong chương trình trung học phổ thông hiện hành. Điều quan trọng hơn là giúp học sinh phát huy được các năng lực cá nhân thông qua các hoạt động tự học tập ngoài giờ học. Nhờ thế, học sinh sẽ có một hành trang tốt hơn, đầy đủ hơn khi bước vào đời.

III. KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU VÀ THỜI GIAN NGHIÊN CỨU.

1. Kế hoạch nghiên cứu: Dựa vào chất lượng kiểm tra định kì trong các năm học, dựa vào tinh thần học tập môn văn của học sinh, tôi đã đề ra những phương pháp để áp dụng:

+ Phương pháp quan sát: Các hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể của học sinh trong giờ học.

+ Phương pháp điều tra: Trò chuyện, trao đổi với GVCN, học sinh, cha mẹ học sinh, bạn bè của học sinh.

+ Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục: Tham khảo những bản báo cáo chất lượng môn Ngữ văn, bản tổng kết hàng năm của nhà trường, kinh nghiệm của đồng nghiệp...

+ Chuẩn bị PHT và thực hiện rèn kỹ năng tự học cho học sinh theo các giải pháp đã đề ra.

+ Trao đổi với các giáo viên cộng tác, với học sinh sau mỗi tiết dạy, bài dạy ở lớp thử nghiệm và đối chứng nhằm thu thập những nhận xét về tiết học đó.

+ Thu thập nhận xét của học sinh về việc tự học thử nghiệm thông qua trao đổi sau mỗi bài học.

+ Tổ chức kiểm tra sau chuyên đề ôn thi để đánh giá kết quả tự học của học sinh.

+ Đối chiếu ý thức, thái độ, kết quả học tập của học sinh trước và sau khi thực nghiệm, phân tích và xử lý kết quả một cách khách quan. Trên cơ sở kết quả thu được rút ra kết luận về đề tài đang ứng dụng.

2. Thời gian nghiên cứu: Thời gian nghiên cứu từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023

IV. Mô tả bản chất của sáng kiến:

Nội dung sáng kiến được cấu trúc theo ba phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Giải quyết vấn đề:

- Cơ sở lí luận.

- Cơ sở thực tiễn.

- Thực trạng, nguyên nhân.
- Một số giải pháp rèn luyện kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn cho học sinh thông qua phiếu học tập.
- Kết quả đạt được (có bảng so sánh, đối chứng kết quả đạt được trước và sau thực nghiệm)

Phần III: Kết luận và khuyến nghị.

PHẦN II:

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1. Phiếu học tập

1.1. Khái niệm

Phiếu học tập (PHT) là những tờ giấy rời, in sẵn những công tác độc lập hay làm theo nhóm nhỏ, được phát cho học sinh để học sinh hoàn thành trong một thời gian ngắn của tiết học (từ 5 - 10 phút), hay trong khi chuẩn bị bài mới, ôn lại bài cũ (ngoài giờ học). Trong mỗi PHT có ghi rõ một vài nhiệm vụ nhận thức nhằm hướng tới hình thành kiến thức, kỹ năng hay rèn luyện thao tác tư duy để giao cho học sinh.

Theo tác giả Đặng Thành Hưng thì “trong phiếu học tập có thể là văn bản, biểu số liệu, hình ảnh, sơ đồ..., tóm tắt hoặc trình bày bằng những cấu trúc nhất định một lượng thông tin, dữ liệu hoặc sự kiện xuất phát cần thiết cho người học”.

Từ những khái niệm trên, có thể hiểu phiếu học tập là những tờ giấy rời, ghi chép những nhiệm vụ học tập mà học sinh tự hoàn thành kèm theo gợi ý, hướng dẫn của giáo viên. Trong PHT, kiến thức được thể hiện dưới nhiều dạng rất phù hợp với dạy học môn Ngữ văn đồng thời kích thích hứng thú học tập cũng như phát huy năng lực tư duy độc lập cho người học.

1.2 Các dạng phiếu học tập và vai trò của phiếu học tập

Tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung bài học có thể thiết kế PHT dưới các dạng khác nhau như: biểu bảng tổng kết, biểu bảng so sánh; dạng sơ đồ thì có sơ

đồ mạng nhện, sơ đồ chuỗi, sơ đồ khái quát, sơ đồ cây,...; dạng câu hỏi, hình vẽ...

PHT kích thích học sinh chuẩn bị bài mới ở nhà một cách hiệu quả bằng những định hướng cụ thể, hỗ trợ học sinh tìm kiếm và khai thác thông tin, sự kiện,.. nhờ đó mà tiết kiệm thời gian trên lớp, đặc biệt khi dạy các tác phẩm tự sự có dung lượng lớn. PHT là phương tiện tích cực rèn luyện kỹ năng cho học sinh: so sánh, tổng hợp, phân tích, đánh giá, suy luận, khái quát, hệ thống hóa.

PHT phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu cho HS chống lại thói quen học tập thụ động. PHT đảm bảo thông tin hai chiều giữa dạy và học. Qua kết quả trên PHT, GV nắm bắt được mức độ hiểu bài của HS từ đó điều chỉnh nội dung và phương pháp thích hợp.

2. Kỹ năng tự học

2.1. Kỹ năng tự học là gì?

Tự học hiểu theo đúng bản chất là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (sử dụng các phương tiện) cùng các phẩm chất, cả động cơ, tình cảm, cả nhân sinh quan, thế giới quan, không ngại khó, ngại khổ, kiên trì, nhẫn nại, lòng say mê... để chiếm lĩnh một lĩnh vực khoa học nào đó, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình.

Kỹ năng tự học (Self-study skills) là quá trình tự trau dồi kiến thức không chỉ từ sách vở mà còn từ các trải nghiệm trong cuộc sống để hoàn thiện bản thân; là khả năng tư duy phân tích, phản biện và từ đó hình thành kiến thức mới. Chu trình học và tự học bao gồm: Tự nhận thức - Áp dụng - Cân nhắc - Biến đổi dựa trên 3 phương thức:

- Hành vi: Sự học hỏi phát triển khi bạn có sự động viên, khuyến khích.
- Nhận thức: Kiến thức và các bài học tự động "lên lỗi" vào tiềm thức nhờ khả năng ghi nhớ tuyệt vời.
- Nhân văn: Những kinh nghiệm cá nhân sẽ mang đến cho bạn nhiều bài học để trưởng thành, từ đó đúc kết những giá trị bản thân.

2.2. Vai trò của kỹ năng tự học đối với học sinh

Tự học giúp người học hiểu sâu, mở rộng, củng cố và ghi nhớ bài học một cách vững chắc nhờ vào khả năng tự phân tích, tổng hợp tài liệu, từ đó có khả

năng vận dụng các tri thức đã học vào việc giải quyết những nhiệm vụ học tập mới. Đồng thời, tự học giúp người học hình thành được tính tích cực, độc lập tự giác trong học tập cũng như nề nếp làm việc khoa học. Từ đó quyết định sự phát triển các phẩm chất nhân cách và quyết định chất lượng học tập của học sinh. Tự học lúc còn học phổ thông sẽ là tiền đề tốt cho việc tự học ở bậc đại học, sau đại học sau này.

2.3. Các kỹ năng cơ bản của hoạt động tự học

Theo nhóm nghiên cứu ở Khoa Tâm lý - Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, kỹ năng tự học có thể được phân thành 4 nhóm, đó là nhóm kỹ năng định hướng, nhóm kỹ năng thiết kế (lập kế hoạch), nhóm kỹ năng thực hiện kế hoạch và nhóm kỹ năng kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm. Tác giả Vũ Trọng Rỹ thì cho rằng kỹ năng tự học của học sinh nói chung và học sinh nói riêng gồm 4 nhóm: kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành, kỹ năng tổ chức, kỹ năng kiểm tra đánh giá.

Tiếp thu những quan điểm trên, chúng tôi phân chia hoạt động tự học bao gồm các nhóm kỹ năng cơ bản sau:

Kỹ năng định hướng

Để quá trình tự học diễn ra thành công người học cần thiết lập cơ sở định hướng của hành động. Đó là hệ thống định hướng và chỉ dẫn mà chủ thể có thể sử dụng nó để thực hiện một hành động xác định nào đó. Nó có chức năng nhận thức đối tượng, vạch kế hoạch, kiểm tra và điều chỉnh hành động theo kế hoạch. Để có được cơ sở định hướng, người học phải trả lời được các câu hỏi:

- Học nhằm mục đích gì? Học vì yêu thích môn học, vì trách nhiệm với gia đình và xã hội, hay vì để được khen, được đánh giá cao...
- Thái độ học tập ra sao? Học với tinh thần, thái độ nghiêm túc hay hời hợt qua loa.
- Học như thế nào? Người học nên chọn phương pháp nào là phù hợp với bản thân.

Kỹ năng lập kế hoạch học tập

Mọi việc sẽ dễ dàng hơn nếu người học xây dựng được kế hoạch học tập. Trong quá trình lập kế hoạch người học phải chú ý một số điểm sau:

- Thứ nhất, người học phải xây dựng kế hoạch một cách cụ thể. Đó có thể là kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, thậm chí kế hoạch cho từng môn, từng phân. Song kế hoạch phải được tạo lập thật rõ ràng, nhất quán cho từng thời điểm, từng giai đoạn sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình.

- Thứ hai, khi lập kế hoạch, người học phải chọn đúng trọng tâm, cần xác định được cái gì là quan trọng để ưu tiên tác động trực tiếp và dành thời gian công sức cho nó.

Kỹ năng thực hiện kế hoạch

Muôn thực hiện thành công kế hoạch mình đã tạo lập, người học cần có một số kỹ năng sau:

- Tiếp cận thông tin: lựa chọn và chủ động tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau và từ những hoạt động đã được xác định như đọc sách, nghe giảng, xem truyền hình, tra cứu từ Internet, làm thí nghiệm... Trong hoạt động này rất cần có sự tinh táo để chọn lọc thông tin một cách thông minh và linh hoạt.

- Xử lý thông tin: việc xử lý thông tin trong quá trình tự học không bao giờ diễn ra trong vô thức mà cần có sự gia công, xử lý mới có thể sử dụng được. Quá trình này có thể được tiến hành thông qua các kỹ năng ghi chép, phân tích, đánh giá, tóm lược, tổng hợp, so sánh...

- Vận dụng tri thức, thông tin: thể hiện qua việc vận dụng thông tin tri thức khoa học để giải quyết các vấn đề liên quan như thực hành bài tập, thảo luận, xử lý các tình huống, viết bài thu hoạch...

- Trao đổi, phổ biến thông tin: việc trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin tri thức thông qua các hình thức: thảo luận, thuyết trình, tranh luận... là công việc cuối cùng của quá trình tiếp nhận tri thức.

Kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm

Để có kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá, học sinh cần:

- Tự trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa bằng cách xác định yêu cầu của câu hỏi, dự kiến câu trả lời, tái hiện các kiến thức liên quan, tập trình bày câu trả lời trước nhóm hoặc trước lớp để tìm ra chỗ sai từ đó khắc phục.

- Tự đặt câu hỏi để tự mình giải quyết hoặc thảo luận cùng bạn bè.

- Làm các bài tập của thầy cô giao cho, hoặc các bài tập bản thân tự tìm kiếm sau đó tự mình kiểm tra đáp án để rút kinh nghiệm...

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN.

1. Yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và sự cần thiết phải rèn kỹ năng tự học cho học sinh

Đổi mới phương pháp dạy học là nhiệm vụ quan trọng của đổi mới giáo dục. Nhất là trong bối cảnh nước ta đang đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Với mục tiêu dạy học là dạy cách học, tạo môi trường và điều kiện để các em học sinh phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của bản thân, bộ môn Ngữ văn cũng là một trong những môn học cần đổi mới phương pháp.

Đổi mới phương pháp dạy học là việc áp dụng một cách có hiệu quả các phương pháp dạy học hiện có theo quan điểm dạy học tích cực kết hợp với các phương pháp dạy học hiện đại. Dạy học phải thể hiện được mối quan hệ tích cực giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh với học sinh và yêu cầu quá trình dạy học phải chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng, năng lực hành động, vận dụng kiến thức, tăng cường thực hành và gắn nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

2. Thực trạng dạy văn, học văn ở trường phổ thông

Văn học là nhân học, văn học giúp con người biết rung động với cái đẹp, mang đến nhiều bài học bổ ích. Hiện nay ở trường THPT môn Ngữ văn không chỉ là môn học bắt buộc trong các kì thi quan trọng của học sinh như: thi tuyển sinh lớp 10, thi tốt nghiệp THPT... mà còn là môn học giúp học sinh có thể hoàn thiện bản thân về đạo đức, nhân cách, về khả năng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày và về năng lực nhận diện các hiện tượng xã hội. Nhưng trong thực tế cho thấy ở các trường phổ thông, học sinh không quan tâm, đầu tư đúng mức

cho môn học này. Thực tế là hiện nay nhiều học sinh không thích học môn Văn, coi nhẹ môn Văn, bầu không khí văn chương trong nhiều giờ dạy văn, học văn còn tẻ nhạt, thiếu sinh khí.

Điều làm cho chúng ta phải suy nghĩ là chất lượng học sinh của trường chúng ta đang giảng dạy thấp, vẫn còn rất nhiều học sinh chưa đạt được yêu cầu đó, các em lười phát biểu, thụ động trong giờ học. Học sinh đến lớp không học bài cũ, soạn bài mới, không tiếp thu được bài giảng của giáo viên,... điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của trường, của ngành. Nhiều bạn học sinh học đối phó đặc biệt là các bạn học khối tự nhiên, tình trạng này đang phổ biến. Đây là thực trạng đáng buồn.

Để có minh chứng cụ thể về những thực trạng trên, khi thực hiện đề tài này, tôi đã tiến hành một số khảo sát với học sinh lớp 12A7, kết quả cụ thể trước khi thực hiện đề tài như sau:

*** Kết quả khảo sát trước khi triển khai, áp dụng đề tài**

LỚP 12A7

STT	Số HS khảo sát	Nội dung khảo sát		Kết quả khảo sát
1	38	Nhận thức và hứng thú của học sinh đối với môn học	- Môn học thực sự có ý nghĩa đối với bản thân.	- Có: 9 - 23,68% - Không: 7 - 18,42%
			- Yêu thích môn học:	- Có: 12 - 31,58% - Không: 11 - 28,95%
			- Tích cực phát biểu xây dựng bài	- Có: 5 - 13,16% - Không: 22 - 57,89%
		Ý thức, khả năng tự học	- Thường xuyên tự học	- Có: 12 - 31,58% - Không: 26 - 68,42%
			- Tự học một ngày từ 1 giờ đến 2 giờ	9 - 26,68%

2	38		- Tự học 3 giờ và trên 3 giờ mỗi ngày	3 - 10,71%
			- Thành thạo khi sử dụng các kỹ năng tự học	3 - 10,71%
			- Lúng túng khi sử dụng các kỹ năng tự học	26 - 68,42%
3	38	Kết quả học tập của học sinh năm học trước: 2021 - 2022 (trước khi thực nghiệm)	Giỏi	2 - 5,26%
			Khá	15 - 39,47%
			Trung bình	15 - 39,47%
			Yếu	6 - 15,80%
			Kém	0

Qua kết quả khảo sát, có thể thấy rằng hoạt động tự học của HS vẫn chưa đạt hiệu quả cao, chưa được quan tâm đúng mức.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Xã hội phát triển, nhiều trò chơi giải trí vô bổ như games, chat qua mạng, tin nhắn điện thoại đã ảnh hưởng rất lớn đến việc học của các em;

+ Thiếu sự quan tâm của gia đình (một số gia đình hoàn cảnh khó khăn phải lao động kiếm tiền cho nên không có thời gian quan tâm đến việc học của con em);

+ Định hướng của phụ huynh: thúc ép con cái học các ban tự nhiên vì thực tế hiện nay, học khối Tự nhiên dễ xin việc hơn;

+ Một số giáo viên chưa thực sự đầu tư vào công tác soạn giảng. Giáo viên giảng dạy chưa thu hút được học sinh, chưa khơi dậy được đam mê trong học sinh. Hệ thống câu hỏi gợi mở, dẫn dắt của giáo viên chưa logic, chưa phù hợp cho từng đối tượng học sinh. Giáo viên tổ chức các hoạt động còn mang

tính hình thức, năng lực tổ chức giờ học theo nhóm, theo đối tượng học sinh còn hạn chế...

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Các em học sinh đang ở độ tuổi ham vui, ham chơi nên có thể có lúc xao nhãng việc học. Một số học sinh có tư tưởng sai lệch: coi môn văn là môn phụ, chỉ quan tâm đến môn học của khối mà mình theo;

+ Một số không nhỏ học sinh chưa tự giác, chưa có động cơ học tập đúng đắn, chưa có phương pháp học hợp lí, ở trường cũng như ở nhà.

+ Học sinh lười học, lười suy nghĩ, không dành thời gian cho việc học bài cũ, chuẩn bị bài mới, các em chỉ học đối phó còn trông chờ thầy cô giải giúp. Nhiều em không hề biết cách tự học, tự sáng tạo, tự đào sâu kiến thức.

Qua những phân tích trên, có thể thấy rằng hoạt động tự học của HS vẫn chưa đạt hiệu quả cao có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân đáng lưu tâm là một phần khác do các em chưa được định hướng một cách cụ thể trong hoạt động tự học của bản thân. Do vậy, vai trò của người GV trong việc phát triển kỹ năng tự học của HS là hết sức quan trọng.

Từ thực tiễn giảng dạy của giáo viên và kết quả học tập của học sinh trường THPT Quang Minh, tôi xin chia sẻ một số giải pháp của mình với hy vọng các thầy cô có thêm tư liệu về việc phát triển kỹ năng tự học cho học sinh nhằm khơi gợi hứng thú học tập, hướng dẫn, khích lệ học sinh tích cực, chủ động tự học để khắc phục và cải thiện tình trạng trên.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

Giáo dục muốn thành công, ngoài những giải pháp chung phù hợp với đặc trưng bộ môn, mỗi người giáo viên cần tìm ra được những giải pháp riêng cho từng bài dạy, từng chuyên đề ôn thi. Môn Văn không thể truyền đạt suông bằng bài giảng mà phải tạo cho các em những thói quen rèn luyện, phải làm thế nào để cho những kiến thức của thầy cô thấm vào các em và biến thành những kiến thức của các em.

Từ thực tế nhiều năm giảng dạy, bản thân tôi đã đúc rút được một vài kinh nghiệm nhỏ thông qua phiếu học tập giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn như sau:

1. Những giải pháp chung trong dạy học chính khóa và ôn thi THPT môn Ngữ văn

1.1. Giáo viên thường xuyên phải nâng cao chuyên môn nghiệp vụ

Để thức dậy khát vọng học tập, thổi bùng ngọn lửa đam mê trong học sinh đối với môn Ngữ văn, giáo viên phải nắm vững kiến thức chung cho chương trình cấp học để có cái nhìn bao quát về nội dung yêu cầu cho từng khối lớp. Từ đó, có khả năng tổng hợp những kiến thức, đồng thời biết lựa chọn những kiến thức cơ bản nhất phục vụ cho việc làm bài thi của học sinh để dạy có hiệu quả và gây sự hứng thú học tập bộ môn.

Bí quyết của sự thành công là sự học tập không ngừng, học qua tài liệu, học qua mạng, học ở bạn bè đồng nghiệp.... Tự học theo các chuyên đề - giáo viên xây dựng các chuyên đề sau đó nghiên cứu tài liệu tự hoàn thành các chuyên đề - trở thành tài liệu phục vụ công tác chuyên môn, tích cực giờ dự, trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp, đầu tư nhiều thời gian nghiên cứu tài liệu để soạn bài kĩ hơn... có sự tâm huyết say sưa với nghề như vậy thực sự mọi trở ngại đều có thể vượt qua.

1.2. Luôn cập nhật thông tin

Giáo viên luôn cập nhật công tác thi để bắt kịp yêu cầu mới về dạy học, thi cử và định hướng điều chỉnh công tác dạy học, luyện thi cho phù hợp, hiệu quả.

1.3. Luôn là điểm tựa cho học sinh

Các thầy cô giáo cần tâm niệm rằng: dạy học không chỉ là cung cấp kiến thức, rèn kỹ năng cho học sinh mà còn là chia sẻ, đồng viên học sinh, giúp các em tự giác học tập và vượt qua giai mọi khó khăn, thử thách.

2. Những lưu ý khi rèn kỹ năng tự học cho học sinh

2.1. Nhiệm vụ của người giáo viên trong việc rèn kỹ năng tự học cho học sinh:

Thứ nhất, tạo thói quen tự học cho học sinh

Thói quen tự học của học sinh chịu ảnh hưởng nhiều từ giáo viên. Bởi, nếu giáo viên không đặt vấn đề, nêu vấn đề, định hướng nội dung cũng như gợi mở, hỗ trợ hướng dẫn và kiểm tra đánh giá sát sao thì người học sẽ không chủ động tự học. Việc hình thành thói quen tự học chịu ảnh hưởng nhiều từ giáo viên. Giáo viên cần đặt ra việc tự học, giao các nội dung để học sinh tự học,

kiểm tra việc tự học và có chế tài nhất định đối với những người không chủ động học.

Thứ hai, thúc đẩy đam mê chủ động học, thúc đẩy ý thức tự học

Giáo viên muốn khuyến khích học sinh tự học, động viên học sinh tự học thì giáo viên cần thực sự nhiệt tình khai thác bài học, đưa ra nhiều tình huống, khuyến khích, động viên học sinh tự học để khơi gợi sự đam mê của học sinh trong tìm tòi trí thức liên quan đến bài học.

Thứ ba, định hướng nội dung học trong quá trình tự học của học sinh

Giáo viên sẽ đóng vai trò định hướng nội dung môn học cũng như định hướng nội dung từng bài học cho học sinh. Trên cơ sở định hướng của giáo viên việc tự nghiên cứu của học sinh sẽ trọng tâm hơn, giải quyết được những nội dung cơ bản của môn học cũng như đạt được mục tiêu của môn học và từng bài học. Việc định hướng của giáo viên liên quan đến các nội dung học nhóm, thảo luận, chuẩn bị bài và trao đổi giữa những người học. Giáo viên định hướng cách khai thác nội dung, định hướng kiến thức, kỹ năng của bài học cũng như định hướng tư duy cho từng vấn đề. Định hướng là yếu tố thúc đẩy khả năng tự học. Định hướng giúp người học đi đúng đường ray.

Thứ tư, gợi mở tri thức trong quá trình tự học của học sinh

Gợi mở của giáo viên là động lực thúc đẩy tính tích cực và tính say mê tìm tòi của học sinh trong quá trình tự học. Nghiên cứu một nội dung mới, vấn đề mới, bài học mới, sự gợi mở của giáo viên như chất xúc tác đẩy mạnh tính chủ động nghiên cứu của người học. Việc gợi mở của giáo viên chẳng khác nào tìm lối thoát để học sinh tự mình đi trên con đường tìm kiếm tri thức. Việc gợi mở chấm dứt sự chây lười, tính ỳ, trì trệ của học sinh trước những mảng kiến thức mới.

Thứ năm, hỗ trợ cho học sinh trong quá trình tự học

Ở nhiệm vụ này, giáo viên đi bên cạnh học sinh nhưng không làm thay học sinh. Việc hỗ trợ của giáo viên trong quá trình tự học của học sinh chẳng khác nào sự giúp đỡ kịp thời của giáo viên đối với học sinh. Nội dung của môn học, bài học sẽ được làm sáng tỏ hơn, hấp dẫn hơn nếu trong quá trình học giáo viên hỗ trợ học sinh nghiên cứu, tìm tòi tài liệu, chinh phục kiến thức. Việc hỗ trợ kịp thời của giáo viên là giải pháp tối ưu và hiệu quả nhất mỗi khi học sinh

thất bại hoặc không tìm ra đáp án trong bài học, trong các bài tập cụ thể, tình huống cụ thể.

Thứ sáu, hướng dẫn học đối với học sinh trong quá trình tự học

Giáo viên hướng dẫn khai thác bài học, hướng dẫn đọc tài liệu, hướng dẫn làm bài tập, hướng dẫn tư duy từng vấn đề cụ thể. Bên cạnh đó hướng tới việc hướng dẫn làm bài tình huống và thực hành kỹ năng trong thực tiễn. Vai trò này sẽ giúp học sinh biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo, biến tri thức nhân loại thành tri thức của mình.

Thứ bảy, đánh giá và kiểm tra kết quả tự học của học sinh

Mục tiêu môn học và mục tiêu bài học chỉ được định lượng thông qua việc đánh giá và kiểm tra của giáo viên. Với vai trò này giáo viên kịp thời phát hiện những học sinh không có khả năng tự học, hoặc khả năng tự học không đúng cách, hoặc việc tự học do ép buộc mà có. Cũng từ vai trò kiểm tra đánh giá mà giáo viên nhận diện được tư duy của mỗi học sinh trong quá trình chủ động khai thác môn học, bài học ở mức độ tích cực nhất định.

2.2. Những công việc cụ thể của người giáo viên trong việc rèn kỹ năng tự học cho học sinh

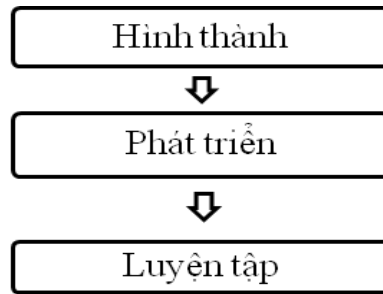
Một là, làm đề cương môn học thật chi tiết và cụ thể để gửi trước cho học sinh trước khi môn học bắt đầu. Đề cương chính là cẩm nang để học sinh tự mình nghiên cứu và khám phá môn học trong quá trình tự học.

Hai là, giao vấn đề, giao bài tập và định hướng nghiên cứu về nhà cho học sinh. Giáo viên sau các giờ học nên đúc rút thành các vấn đề lớn và giao cho học sinh câu hỏi, bài tập; giới thiệu tài liệu, nguồn tài liệu cách giải bài tập; cách giải quyết, lý giải vấn đề...

Ba là, hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài học kế tiếp. Công việc này gồm có đọc bài học tại sách giáo khoa trước và trả lời các câu hỏi liên quan đến các mục tiêu của bài học.

Bốn là, Nêu rõ mục đích, yêu cầu; công khai tiêu chí đánh giá; thời gian hoàn thành; nhận xét, đánh giá chính xác kết quả tự học của học sinh; khen chê kịp thời để nhắc nhở, động viên học sinh nêu cao ý thức tự học và tự học (ngoài giờ học) có hiệu quả.

2.3. Quy trình rèn luyện kỹ năng tự học cho học sinh



3 giai đoạn rèn luyện kỹ năng tự học

Theo từ điển Tiếng Việt “*Rèn luyện là luyện tập nhiều trong thực tế để đạt tới những phẩm chất hay trình độ vững vàng thông thạo*”. Một kỹ năng được hình thành theo tác giả cần trải qua nhiều giai đoạn: quan sát mẫu, làm thử và cuối cùng là tiến hành luyện tập. Nói một cách khác, để có được một kỹ năng, phải trải qua 3 giai đoạn: hình thành, phát triển, luyện tập.

Từng kỹ năng tự học rèn luyện cho HS cần được cụ thể hóa thành các bước vì chỉ khi rèn luyện theo các bước mới có cơ sở để hình thành, phát triển và luyện tập kỹ năng.

2.4. Tổ chức rèn luyện kỹ năng tự học cho học sinh

Người dạy tổ chức cho HS tự lĩnh hội nền văn hóa xã hội chứ không làm thay HS trong việc lĩnh hội đó. Sự giúp đỡ của GV đối với HS trong dạy học là giúp đỡ về phương pháp học, GV giúp HS về cách thức tự học. Như vậy, bản chất của hoạt động dạy học để HS tự học là dạy cách học, các kỹ năng tự học.

Người thầy phải biết cách tổ chức các hoạt động học tập nhằm tích cực hóa tính tự lực, sáng tạo, chủ động phát hiện và tìm ra kiến thức của người học. Muốn vậy người thầy phải “*đổi mới phong cách dạy*”, điều này chỉ thực hiện được khi tích cực hóa các phương pháp, kỹ thuật, cách đánh giá theo quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Rèn luyện kỹ năng tự học theo cá nhân:

Rèn luyện kỹ năng tự học theo cá nhân, GV cần giảm tối đa phương pháp độc thoại thuyết trình “*lấy người dạy là trung tâm*”, thay vào đó là sử dụng các phương pháp, kỹ thuật tăng cường hoạt động độc lập nhận thức của bản thân

từng HS để các em tích cực “động não”, tự lực suy nghĩ phát hiện và giải quyết vấn đề.

Rèn luyện kỹ năng tự học theo nhóm:

Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm là phương pháp đặt HS vào môi trường học tập (nghiên cứu, thảo luận...) theo các nhóm HS. Một trong những lí do chính để sử dụng phương pháp này là nhằm khuyến khích HS trao đổi và biết cách làm việc hợp tác với người khác (vì vậy còn gọi là phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm hay thảo luận nhóm).

Mục tiêu của dạy học theo nhóm: Tổ chức HS học tập theo nhóm không chỉ phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng chủ động sáng tạo trong hoạt động nhận thức của HS, tạo điều kiện để mọi người cùng tham gia, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, chuẩn bị cho lao động phân công hợp tác trong cộng đồng mà qua cách học này nhiều kỹ năng xã hội cũng được hình thành và phát triển. Ngoài ra, khi tổ chức học tập theo nhóm GV còn có cơ hội tận dụng ý kiến và kinh nghiệm của người học.

3. Cách thức sử dụng phiếu học tập hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn thi môn Văn ngoài giờ học trên lớp

Một là, việc sử dụng phiếu học tập (PHT) trong dạy học Ngữ văn phải phát huy được vai trò chủ thể trong hoạt động học tập của HS, góp phần tạo sự hấp dẫn, hứng thú trong tiết dạy.

Hai là, Giáo viên phải nghiên cứu kĩ đặc điểm chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn để thiết kế bộ phiếu học tập. Từ sự phân tích đặc điểm chương trình, sách giáo khoa, hệ thống câu hỏi phân hướng dẫn học bài và tài liệu chuẩn kiến thức kỹ năng, giáo viên dựa vào đó mà thiết kế bộ phiếu học tập phù hợp với chương trình, với đối tượng học sinh lớp mình giảng dạy.

Ba là, giáo viên thiết kế phiếu học tập dựa trên các nguyên tắc sau:

- Phiếu học tập phải được thiết kế sẵn trước giờ dạy. Nội dung phiếu học tập phải vừa đủ, bám sát mục tiêu bài học và chuẩn kiến thức kỹ năng, phù hợp đối tượng học sinh lớp giảng dạy, phù hợp với trình độ, hoạt động của học sinh, với lượng thời gian thích hợp.

- Hình thức phiếu học tập phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu thể hiện tính sư phạm, tạo hứng thú cho học sinh.

- Sử dụng phiếu học tập cần kết hợp với các tài liệu và phương tiện dạy học khác như sách giáo khoa, tranh ảnh, tài liệu tham khảo... Giáo viên công bố đáp án kịp thời, đúng cách. Đặc biệt không được lạm dụng phiếu học tập.

Bốn là, Phiếu học tập là một mảnh giấy thường được in sẵn nhằm mục đích hỗ trợ người học sắp xếp các nội dung kiến thức để phục vụ cho việc học và hiểu bài tốt hơn. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh điền vào khoảng trống trong tờ giấy để trả lời câu hỏi hay hoàn thành sơ đồ.

4. Thiết kế PHT thực nghiệm:

a. Cơ sở thiết kế phiếu học tập

Khi thiết kế PHT người viết sẽ căn cứ vào các yếu tố sau đây:

(1) Theo các mức độ nhận thức của Bloom: thiết kế PHT chú ý đến việc giúp HS thực hiện các thao tác tư duy thể hiện mức độ nhận thức từ thấp đến cao (từ biết cho đến đánh giá, sáng tạo);

(2) Thiết kế PHT dựa trên lí thuyết về PHT ;

(3) Dựa theo mục tiêu cần đạt: đó là những đơn vị kiến thức trọng tâm cốt lõi của tác phẩm.

(4) Mục tiêu thiết kế phiếu học tập: rèn kỹ năng tự học, tự ôn thi cho học sinh.

b. Định hướng thiết kế: Thiết kế này hướng đến mục tiêu cơ bản là:

+ Phát huy vai trò giải mã văn bản: khám phá ý nghĩa từ ngữ, hình ảnh, ý nghĩa văn bản; kiến tạo nghĩa cho văn bản: tạo ra những nghĩa mới cho văn bản.

+ Khơi gợi cảm xúc, kí ức, kinh nghiệm sống cho người học vì chức năng của văn chương là phản ánh đời sống, truyền cảm xúc cho người đọc.

+ Phát triển những kỹ năng xã hội như diễn đạt, lắng nghe, phản hồi qua hoạt động thảo luận nhóm.

c. Các dạng PHT và thời điểm, cách thức sử dụng khi hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn thi môn Ngữ văn (ngoài giờ học):

- PHT hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài mới trước giờ học:

Yêu cầu HS thực hiện cá nhân hoặc thực hiện theo nhóm nhỏ, làm rõ các vấn đề:

- (1) Suu tầm những nhận định hay về tác giả, tác phẩm, những vấn đề lí luận văn học có liên quan đến tác phẩm;
- (2) Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm;
- (3) Cảm nhận các vấn đề, các khía cạnh về nội dung, nghệ thuật văn bản;
- (4) Tổng kết nội dung, nghệ thuật văn bản.

Lưu ý: Học sinh được phép sử dụng những phiếu trả này để trao đổi, thảo luận hình thành kiến thức mới và làm bài tập luyện tập, vận dụng trong giờ học.

- PHT hướng dẫn HS tự ôn tập, củng cố, khắc sâu kiến thức và rèn kỹ năng làm bài thi môn Ngữ văn sau giờ học:

Yêu cầu HS thực hiện cá nhân, làm rõ các vấn đề:

- (1) Vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung, kiến thức bài học;
- (2) Vẽ tranh tái hiện lại hình ảnh, cảnh tượng đặc sắc được gợi ra trong tác phẩm; Sân khấu hóa tác phẩm văn học: ngâm thơ, phổ nhạc, đóng phim (kịch);
- (3) Lập dàn ý cho đề nghị luận văn học về tác giả, tác phẩm;
- (4) Viết đoạn văn nghị luận - mở bài, thân bài, kết bài.

Lưu ý:

- GV có thể cho HS đánh giá chéo nhau dựa trên đáp án GV đưa ra sau khi HS hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định. GV có thể đánh giá ngẫu nhiên một vài HS hoặc GV cũng có thể thu về để đánh giá sau. Nếu các em làm tốt thì tuyên dương, nếu làm chưa tốt cần nhắc nhở.

- Sau khi GV nhận xét, đưa đáp án, cần yêu cầu HS chỉnh sửa trong phiếu học tập những kiến thức, kỹ năng chưa chính xác để hoàn thiện sản phẩm. HS có thể giữ PHT đó lại hoặc viết nội dung trong phiếu vào vở ghi làm tài liệu học tập, tài liệu ôn thi.

Ví dụ minh họa PHT hướng dẫn học sinh tự học (ngoài giờ học):

*** Bài Tây Tiến - Quang Dũng**

PHT hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài mới trước giờ học:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm – Cá nhân)

STT	Nội dung tìm hiểu	Kết quả
1	Thông tin cơ bản về tác giả - Cuộc đời: + Nguồn gốc xuất thân? + Đặc điểm con người? + Những hoạt động và công hiến cho xã hội?
	- Sự nghiệp sáng tác: + Quan niệm sáng tác? + Tác phẩm chính? + Đặc điểm/phong cách sáng tác? + Giải thưởng văn học (nếu có)? + Vị trí, tầm ảnh hưởng?
2	Thông tin cơ bản về tác phẩm - Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác? - Đề tài, cảm hứng sáng tác? - Kết cấu tác phẩm? - Chủ đề tác phẩm? - Giá trị tác phẩm?
3	Sưu tầm những nhận định hay về tác giả, tác phẩm?

	
--	--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Đọc hiểu đoạn thơ 1 - Nhóm 1)

Trong nỗi nhớ của nhà thơ, rừng núi Tây Bắc và các cuộc hành quân hiện lên như thế nào?		
Các khía cạnh	Từ ngữ, hình ảnh biểu hiện	Nhận xét
Những địa danh
Thời tiết
Địa thế
Thiên nhiên

Hình ảnh ng lính trên đường hành quân
Bản làng
Các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ:		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(Đọc hiểu đoạn thơ 2 - Nhóm 2)

<p>Những cảnh nào đã hiện lên trong nỗi nhớ của nhà thơ? Trình bày cảm nhận về mỗi khung cảnh.</p>		
Các khía cạnh	Từ ngữ, hình ảnh biểu hiện	Nhận xét
<p><i>* Cảnh đêm liên hoan văn nghệ:</i></p> <p>- Không khí, khung cảnh đêm liên hoan văn nghệ?</p> <p>- Hình ảnh cô gái Tây bắc</p>

- Tâm hồn người lính trẻ?
* <i>Cảnh sông nước:</i> Không gian, thời gian, cảnh vật?
Các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ: -.....		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

(Đọc hiểu đoạn thơ 3 - Nhóm 3)

Chân dung người lính Tây Tiến được khắc họa qua những khía cạnh nào? Nhận xét?		
Các khía cạnh	Từ ngữ, hình ảnh biểu hiện	Nhận xét
* <i>Hình ảnh người lính</i> Ngoại hình
Tâm hồn - Phẩm chất
Sự hi sinh:

Các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ: -.....		
Liên hệ, so sánh với hình ảnh người lính trong bài thơ <i>Đồng Chí</i> của Chính Hữu		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

(Đọc hiểu đoạn thơ 4 - Nhóm 4)

Nhận xét gì về những câu thơ cuối?		
Các khía cạnh	Từ ngữ, hình ảnh biểu hiện	Nhận xét
* <i>Lời thề chiến đấu</i>
Các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ: -.....		
Liên hệ mở rộng với bài hát: Đoàn vệ quốc quân.		

Lưu ý:

Học sinh được phép sử dụng những phiếu trả này để trao đổi, thảo luận hình thành kiến thức mới và làm bài tập luyện tập, vận dụng trong giờ học.

** PHT hướng dẫn HS tự ôn tập, củng cố, khắc sâu kiến thức và rèn kỹ năng làm bài thi môn Ngữ văn sau giờ học:*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

**(Rèn kỹ năng phân tích đề, lập dàn ý, diễn đạt trong văn nghị luận -
Cá nhân thực hiện)**

Lập dàn ý cho đề văn:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi.
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi,
Mường Lát hoa về trong đêm hơi.
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm,
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời.
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống,
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.
Anh bạn dãi dầu không bước nữa,
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét,
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói,
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*

(Trích *Tây tiến*, Quang Dũng, *Ngữ văn 12*,
tập 1, NXB GD 2020)

Cảm nhận về thiên nhiên Tây Bắc trong đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về chất nhạc, họa trong đoạn thơ.

DÀN Ý

MỞ BÀI: Nêu vấn đề nghị luận.

.....

THÂN BÀI

*** Giới thiệu khái quát về tác giả Quang Dũng, tác phẩm Tây Tiến và đoạn thơ**

.....

.....

.....
*** Cảm nhận về thiên nhiên Tây Bắc trong đoạn thơ: *Con đường hành quân gian khổ và thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, hoang sơ***
.....
.....
.....
.....
.....
.....

*** Nghệ thuật:**
.....
.....
.....

*** Nhận xét về chất nhạc, họa trong bài thơ Tây Tiến:**
.....
.....
.....

KẾT BÀI: Khẳng định vấn đề nghị luận (có mở rộng, nâng cao).
.....
.....

Anh/chị hãy viết đoạn văn mở bài, kết bài cho đề văn.
.....
.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

(Rèn kỹ năng phân tích đề, lập dàn ý, diễn đạt trong văn nghị luận - Cá nhân thực hiện)

Lập dàn ý cho đề văn:

Cảm nhận về chân dung người lính Tây Tiến trong đoạn thơ:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc,

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới,

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ,

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất,

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Trích *Tây tiến*, Quang Dũng, *Ngữ văn 12*,
tập 1, NXB GD 2020)

DÀN Ý

MỞ BÀI: Nêu vấn đề nghị luận.

.....

THÂN BÀI

* **Giới thiệu khái quát về tác giả Quang Dũng, tác phẩm Tây Tiến và đoạn thơ**

.....

.....

.....

.....

* **Cảm nhận về chân dung người lính Tây Tiến trong đoạn thơ:**

Vẻ đẹp lãng mạn của người lính Tây Tiến

.....

.....

.....

Chất bi tráng của hình tượng người lính Tây Tiến

*** Nhận xét về nghệ thuật::**

KẾT BÀI: Khẳng định vấn đề nghị luận (có mở rộng, nâng cao).

Lưu ý:

- GV có thể cho HS đánh giá chéo nhau dựa trên đáp án GV đưa ra sau khi HS hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định. GV có thể đánh giá ngẫu nhiên một vài HS hoặc GV cũng có thể thu về để đánh giá sau. Nếu các em làm tốt thì tuyên dương, nếu làm chưa tốt cần nhắc nhở.

- Sau khi GV nhận xét, đưa đáp án, cần yêu cầu HS chỉnh sửa trong phiếu học tập những kiến thức, kỹ năng chưa chính xác để hoàn thiện sản phẩm. HS có thể giữ PHT đó lại hoặc viết nội dung trong phiếu vào vở ghi làm tài liệu học tập, tài liệu ôn thi.

IV. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Căn cứ để đánh giá kết quả thực nghiệm

- Về mặt định tính: chúng tôi dựa trên sự quan sát những biểu hiện tích cực của học sinh trong quá trình tự học, các căn cứ cụ thể là:

+ Học sinh tự giác tham gia thực hiện các nhiệm vụ học tập hay không.

+ Học sinh trả lời các câu hỏi theo yêu cầu ghi trong PHT có đầy đủ, sâu sắc hay không.

+ Học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng được học nhận biết trả lời được các câu hỏi ở mức thông hiểu và vận dụng, vận dụng cao như thế nào?

- Về mặt định lượng: chúng tôi đánh giá trên kết quả các bài kiểm tra, kết quả tổng kết môn học cuối năm/cuối kỳ với cách xếp loại như sau:

+ Giỏi: 8,0 - 10,0

+ Khá: 6,5 - < 8,0

+ Trung bình: 5,0 - 6,4

+ Yếu: 3,5 - 4,9

+ Kém: 0 - 3,4

- Dựa trên kết quả thu được về mặt định tính và định lượng sẽ cho phép đánh giá chất lượng, hiệu quả của việc dạy học đã đạt được như trong mục đích đưa ra hay chưa.

2. Kết quả thực nghiệm

* **Kết quả khảo sát sau khi triển khai, áp dụng đề tài**

LỚP 12A7

STT	Số HS khảo sát	Nội dung khảo sát		Kết quả khảo sát
1	38	Nhận thức và hứng thú của học sinh đối với	- Môn học thực sự có ý nghĩa đối với bản thân.	- Có: 26 - 68,42% - Không: 3 - 10,71%
			- Yêu thích môn học:	- Có: 26 - 68,42% - Không: 3 - 10,71

Năm học trước	38	2	5,26%	15	39,47%	15	39,47%	6	15,80%
Cuối kỳ I (Năm học 2022 - 2023)	38	8	21,05%	21	55,26%	7	18,42%	2	7,89%
Tăng/giảm	38	+ 6	+ 15,79%	+ 6	+ 15,79%	- 6	- 21,05%	- 4	- 7,91%

(Kí hiệu: + là tăng, - là giảm)

So với kết quả khi chưa thực hiện đề tài, kết quả có thay đổi rõ rệt. Khi ý thức và khả năng tự học của học sinh tốt hơn, hứng thú và kết quả học tập của học sinh cũng tốt hơn. Tỷ lệ khá giỏi tăng lên, tỷ lệ trung bình, yếu giảm đi. Nhìn vào bảng so sánh đối chứng, ta thấy sau khi thực hiện đề tài số học sinh đạt loại giỏi tăng 15,79%, loại khá tăng 15,79%. Số học sinh loại điểm trung bình giảm 21,05%, loại yếu giảm 7,91%.

Có thể giải thích điều này như sau: PHT kích thích những HS vốn học yếu trở nên tích cực hơn, hứng thú hơn. Những HS học trung bình, khá, giỏi có điều kiện tự học, nghiên cứu trước kiến thức; củng cố, khắc sâu kiến thức; rèn luyện kỹ năng làm bài thi môn Ngữ văn ở nhà qua PHT các em sẽ ghi nhớ, hiểu, mở rộng kiến thức và thành thạo kỹ năng làm bài thi môn Ngữ văn hơn nên tỷ lệ từ trung bình lên khá, từ khá lên giỏi tăng lên đáng kể. Mong rằng kết quả này sẽ được tiếp tục khẳng định qua những kỳ thi tiếp theo.

PHẦN III

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Tự học là một hoạt động tự giác, tự lập của học sinh nhưng đối với học sinh thì cần phải có hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên để tự học trở thành một thói quen, một nhu cầu của người học. Mỗi giáo viên phải là người giác ngộ tinh thần tự học của học sinh và học sinh phải thấy sự cần thiết của việc tự học.

2. Phiếu học tập là một phương pháp rất thông dụng trong dạy học. Phiếu học tập được xem là một dạng bài tập giúp học sinh lĩnh hội kiến thức một cách hệ thống, rèn luyện được kỹ năng đọc - hiểu, phát hiện được kiến thức trọng tâm sách giáo khoa.

3. Sử dụng phiếu học tập hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn thi ngoài giờ học giúp học sinh được làm việc nhiều, phát huy được tính sáng tạo, năng động, tích cực, linh hoạt phù hợp với quan điểm dạy học mới: dạy học lấy học sinh làm trung tâm; định hướng, phát triển năng lực, khơi gợi hứng thú học tập và xây dựng niềm tin về bản thân cho mỗi học sinh.

4. Sử dụng phiếu học tập trong dạy học, hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn thi ngoài giờ học phải gắn với kiểm tra, đánh giá, thi đua khen thưởng, kịp thời nhắc nhở, động viên, khích lệ tinh thần, ý thức học tập của học sinh.

5. Kết quả học tập của học sinh là cơ sở để giáo viên có những điều chỉnh tích cực trong cách thức dạy học, tổ chức giờ dạy, giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập.

II. KHUYẾN NGHỊ

1. Không có phương pháp nào là vạn năng, muốn khắc phục tình trạng học sinh còn yếu kém, kết quả học tập chưa tốt đồng thời tạo sự hứng thú, hướng niềm say mê và yêu thích các em đến với bộ môn Ngữ văn thì giáo viên phải linh hoạt kết hợp nhiều phương pháp, phải yêu thương và giúp đỡ các em hết lòng, thực sự là người thầy luôn phải: tận tâm, tận lực, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, như Bác Hồ kính yêu từng nói: *“Người thầy giáo không phải dạy những câu, những chữ có sẵn mà phải dạy bằng cả tâm hồn mình”*.

2. PHT không chỉ dành riêng cho một bộ môn, cho một bài học mà nó có thể áp dụng cho tất cả các bài học khác nhau. Do vậy GV thiết kế hoặc cho HS thiết kế và sử dụng PHT sao cho phù hợp. Bởi phạm vi và mục đích sử dụng của PHT rất rộng. Nó có thể được sử dụng để kiểm tra bài cũ, chuẩn bị bài mới hoặc khám phá và lĩnh hội kiến thức trên lớp, củng cố khắc sâu kiến thức, rèn kỹ năng làm bài thi; có thể sử dụng làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ, lập biểu bảng hay trình bày dưới dạng một văn bản,... Tuy nhiên, để đảm bảo việc áp dụng PHT có hiệu quả cao, lãnh đạo nhà trường cần hướng dẫn cho GV biết cách thiết kế và sử dụng PHT nhằm tránh trường hợp tùy tiện và mang tính hình thức. Bên cạnh đó, cần khuyến khích, động viên và đưa vào quy định chung trong soạn giảng giáo án để nhà trường kiểm tra, đánh giá khen thưởng hoặc xử lý. Hàng năm, Sở Giáo dục - Đào tạo và các nhà trường nên tổ chức các lớp tập huấn về phương pháp, kỹ thuật và thiết kế các phương tiện dạy học nói chung và PHT nói riêng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Trên đây là những kinh nghiệm của bản thân tôi được đúc rút từ việc thực hiện đề tài, từ thực tế giảng dạy, từ quá trình hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn thi. Những kinh nghiệm này, ít nhiều đã được trao đổi nhiều tại các cuộc họp tổ chuyên môn. Tuy nhiên, đây chỉ là kinh nghiệm mang tính chủ quan của bản thân và mới áp dụng trong phạm vi hẹp. Do những hạn chế về thời gian, nên sáng kiến kinh nghiệm chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Với tinh thần thật sự cầu thị, tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, trao đổi, bổ sung của bạn bè đồng nghiệp để kết quả dạy học nói chung, và kết quả dạy học môn Ngữ văn nói riêng của học sinh ngày càng được nâng cao. Và tôi hi vọng đề tài này được phổ biến nhân rộng như một tư liệu trong hoạt động dạy học.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Tác giả sáng kiến

Nguyễn Thị Tuyết Ánh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Sách giáo khoa và Sách giáo viên 10, 11, 12, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), NXB GD.
2. *Cách mạng về phương pháp sẽ đem lại bộ mặt mới, sức sống mới cho thời đại mới*, Trần Hồng Quân, T/c NCGD, số 277/ 1995.
3. *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, Đỗ Ngọc Thống (2011), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. *Đổi mới việc dạy học môn Ngữ văn ở THPT*, Đỗ Ngọc Thống (2002), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. *Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Ngữ văn lớp 12* (2010), NXB Giáo dục.
6. *Một vài suy nghĩ về đổi mới phương pháp dạy học trong trường phổ thông ở nước ta* - PTS. Trần Kiều, T/c NCGD số 276 (tháng 5/1995).
7. *Những vấn đề chung về đổi mới Giáo dục THPT môn Ngữ Văn* (2007), NXB Giáo dục.
8. *Kỹ năng tự học cần phát triển cho học sinh phổ thông như thế nào?*
<https://bigschool.vn/ky-nang-tu-hoc-can-phat-trien-cho-hoc-sinh-pho-thong-nhu-the-nao>
9. *Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học qua hệ thống phiếu học tập* (2017), NXB Đại học sư phạm, Phạm Thị Thu Hương (chủ biên).
10. *Phương pháp dạy học văn*, Phan Trọng Luận, Trương Đình (2001), NXB GD.
11. *Ôn luyện thi THPT năm 2021 môn Ngữ văn* (2019), NXB Đại học sư phạm, Lã Nhâm Thìn, Nguyễn Thị Nương (Đồng chủ biên).
12. *Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên THPT chu kì 3* (2012), NXB Đại học sư phạm.